

ĐỊA CHỈ: 80/2A Tân Hòa Đông P14 Q6
- ĐT: 08.37515480 – 08.38752166
Website: <http://mnrangdong14.q6.edu.vn>

Phường 14, ngày 01 tháng 09 năm 2022

BIỂU MẪU 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
II	Chương trình giáo dục mầm non nhà trường đang thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-GDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-GDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	97-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi	97-100% trẻ đạt theo yêu cầu độ tuổi
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện Tốt	Thực hiện Tốt


HIỆU TRƯỞNG

Vương Thanh Diệp Thủy

ĐỊA CHỈ: 80/2A Tân Hòa Đông P14 Q6
- ĐT: 08.37515480 – 08.38752166
Website: <http://mnrangdong14.q6.edu.vn>

Phường 14, ngày 01 tháng 09 năm 2022

BIỂU MẪU 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	350		23	31	73	92	131
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	350		23	31	73	92	131
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	350		23	31	73	92	131
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	350		23	31	73	92	131
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	350		23	31	73	92	131
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	350		23	31	73	92	131
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ chiều cao bình thường	350		23	31	73	92	131



4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	350		23	31	73	92	131
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	54		23	31			
2	Chương trình mẫu giáo	301				73	92	131
VII	Đạt chuẩn Quốc Gia (Được đánh giá đạt chuẩn mức thời gian tháng 4/2018)							

Quận 6, ngày 01 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Vương Thanh Điệp Thủy



ĐỊA CHỈ: 80/2A Tân Hòa Đông P14 Q6
- ĐT: 08.37515480 – 08.38752166
Website: <http://mnrangdong14.q6.edu.vn>

Phường 14, ngày 01 tháng 09 năm 2022

BIỂU MẪU 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**I. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m2/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1024	2.9
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	253	0.72
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²) Diện tích phòng ngủ (m ²)	568	1.62m ² /1 trẻ.
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	103	0.4 – 0.6 m ² /trẻ
3	Diện tích hiên chơi (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	65	
5	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	67	
6	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	87	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	1bộ/lớp

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/ lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	5 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Vi tính: 19 Máy chiếu: 1 Máy ảnh: 2	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	12	1 tivi/lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	13	1 đàn/1 lớp
3	Máy phôtô	3	
5	Catsset	13	
6	Đầu Video/đầu đĩa	13	1 đầu/lớp
7	Loa vi tính	05	
8	Đồ chơi ngoài trời	10	
9	Bàn ghế đúng quy cách	đủ	
10	Máy in	7	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m2)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	1	10		0.4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu –điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	



Vương Thanh Điệp Thủy



ĐỊA CHỈ: 80/2A Tân Hòa Đông P14 Q6
- ĐT: 08.37515480 – 08.38752166
Website: <http://mnrangdong14.q6.edu.vn>

Phường 14, ngày 01 tháng 09 năm 2022

BIỂU MẪU 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			24	2	4	7		13	7	25			
I	Giáo viên	22			20	2	2		5	12	5	22			
1	Nhà trẻ	4			4					3	1	4			
2	Mẫu giáo	18			16	2				14	4	18			
II	Cán bộ quản lý	3			3					1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1	2			
III	Nhân viên	12			1		4	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	10					3	7							



Vương Thanh Diệp Thủy